



KỶ SINH TRÙNG VÀ SỨC KHỎE CỘNG ĐỒNG



CHUẨN ĐẦU RA

Sau khi học xong bài này, sinh viên có khả năng:

1. Mô tả các vấn đề ký sinh trùng ở Việt Nam
2. Trình bày tác hại của vấn đề ký sinh trùng đối với sức khỏe cộng đồng
3. Mô tả các cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng của những vấn đề ký sinh trùng
4. Trình bày biện pháp phòng chống vấn đề ký sinh trùng cho cộng đồng



Nội dung

1. Khái niệm vấn đề ký sinh trùng
2. Các vấn đề ký sinh trùng ở Việt Nam
3. Đặc điểm dịch tễ học, tác hại và phòng chống vấn đề ký sinh trùng



1. Khái niệm về vấn đề ký sinh trùng

- ❖ Y tế công cộng nghiên cứu KST theo vấn đề
- ❖ Phân chia dựa vào: sự tương đối giống về một số đặc điểm dịch tễ học, bệnh học và chẩn đoán,



Các vấn đề KST ở Việt Nam

1. Vấn đề giun sán truyền qua đất
2. Vấn đề giun sán truyền qua thực phẩm
3. Vấn đề giun đường máu
4. Vấn đề đơn bào đường tiêu hóa
5. Vấn đề đơn bào đường sinh dục – tiết niệu
6. Vấn đề sốt rét
7. Vấn đề tiết túc gây bệnh và truyền bệnh
8. Vấn đề vi nấm
9. Vấn đề bệnh KST từ súc vật sang người



Đặc điểm dịch tễ học, tác hại và phòng chống vấn đề KST

1. Vấn đề giun sán truyền qua đất

a. Đặc điểm dịch tễ học

❖ **Mầm bệnh:**

➤ Trứng giun: đũa, tóc, móc/mỏ... từ phân ra ngoại cảnh, vào đất...

❖ **Đường xâm nhập:**

➤ Qua thức ăn, nước uống, qua da



❖ Các yếu tố nguy cơ

- Tập quán canh tác
 - Dùng phân tươi bón phân
- Tập quán ăn uống
 - Ăn rau sống, nem chua...
- Kinh tế - xã hội
 - Nghèo, kém phát triển, cơ sở hạ tầng kém
- Môi trường tự nhiên
 - Thời tiết, điều kiện tự nhiên thuận lợi KST phát triển
- Vệ sinh môi trường: ô nhiễm



b. Tác hại

- ❖ Mất sinh chất → Suy dinh dưỡng
- ❖ Thiếu máu → Suy tủy
- ❖ Biến chứng → Tắc ruột, viêm ống mật
- ❖ Gây bệnh ở nội tạng → sán não
- ❖ Cộng đồng nguy cơ:
 - Nông dân trồng lúa nước, cây công nghiệp
 - Công nhân vệ sinh, hầm mỏ
 - Sống trong môi trường đông đúc, vệ sinh kém...



c. Phòng chống

- Quản lý và xử lý phân tốt
- Sử dụng nước sạch để ăn uống
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh ăn uống
- Tuyên truyền giáo dục sức khỏe, nâng cao dân trí, thay đổi hành vi
- Phát triển kinh tế, xã hội
- Từng người, từng gia đình, từng cộng đồng tham gia phòng chống
- Điều trị hàng loạt và nhiều đợt cộng đồng nhiễm cao nhất là đối tượng đích



2. Vấn đề giun sán truyền qua thực phẩm

a. Đặc điểm dịch tễ học

- **Nguồn bệnh:** Trong rau, thịt, cá, nước
- **Đường xâm nhập:** đường tiêu hóa (ăn rau, thịt cá có mầm bệnh)
- **Các yếu tố nguy cơ:** tương tự giun sán truyền qua đất



b. Tác hại

- ❖ Mất sinh chất
- ❖ Thiếu máu
- ❖ Gây bệnh ở gan, phổi
- ❖ Các biến chứng ngoại khoa
- ❖ Gây bệnh ở nội tạng



❖ **Các cộng đồng nguy cơ:** tương tự giun sán truyền qua đất. Ngoài ra còn 1 số cộng đồng sau:

- Tập quán ăn gỏi cá, gỏi tôm, cua nướng: Ninh Bình, Nam Định, Sơn La, Lai Châu...
- Ăn thịt chưa nấu chín, ăn tiết canh, nem chạo
- Nuôi cá bằng phân tươi, phóng uế xuống nước: Ninh Bình, Nam Định



c. Phòng chống

- Quản lý và xử lý phân tốt
- Sử dụng nước sạch
- Không nuôi cá bằng phân tươi
- An toàn thực phẩm, vệ sinh ăn uống
- Không ăn cá, cua thịt chưa chín
- Điều trị hàng loạt và từng đợt cho cộng đồng nhiễm cao.



3. Vấn đề giun đường máu

a. Vấn đề giun chỉ bạch huyết

- Bệnh gặp ở một số vùng đồng bằng, vùng có nhiều ao bèo
- Tỷ lệ bệnh không cao, phân bố rải rác
- **Tác hại:** gây các biến chứng phù voi, đái ra dưỡng chất....
- **Phòng chống:** phát hiện, điều trị những người có ấu trùng, điều trị hàng loạt, chống muỗi đốt...



b. Vấn đề giun xoắn

- Ít gặp

- Một số ca ở miền núi

- ❖ **Tác hại:** thường nặng, dễ tử vong (gây bệnh ở nội tạng, não nhiễm độc)

- ❖ **Phòng bệnh:** Không ăn thịt chưa nấu chín, không ăn tiết canh, không nuôi gia súc thả rông



4. Vấn đề đơn bào đường tiêu hóa

a. Dịch tễ học

- **Nguồn bệnh:** từ người thải ra ngoại cảnh (người mang KST lạnh)

- **Các yếu tố nguy cơ:**

Tương tự vấn đề giun sán truyền qua đất.

Ngoài ra cần chú ý 4 yếu tố cơ bản: phân – thực phẩm – ruồi – bàn tay



b. Tác hại

- Gây bệnh mạn tính, khó chữa triệt để
- Gây rối loạn tiêu hóa kéo dài
- Gây biến chứng ở nội tạng như áp xe gan
- Dịch thường kéo dài và phức tạp
- Cộng đồng dễ bị mắc: tương tự như giun sán truyền qua đất

c. Phòng chống

- Trọng tâm giải quyết vấn đề phân - nước - rác - ruồi - thực phẩm.



5. Vấn đề đơn bào đường sinh dục – tiết niệu

a. Dịch tễ học

- lây truyền trực tiếp từ người sang người qua giao hợp, qua nước, đồ dùng riêng của phụ nữ
- Gây bệnh cả 2 giới, chủ yếu là ở nữ

❖ Cộng đồng nguy cơ:

- Tình trạng vệ sinh thấp kém, vệ sinh cá nhân kém
- Phụ nữ làm nghề mại dâm, sinh hoạt tình dục bừa bãi, không an toàn



b. Tác hại

- Gây bệnh phụ khoa: viêm âm đạo → vô sinh
- Bệnh thường khó chữa



c. Phòng chống

- Vệ sinh cá nhân sạch sẽ
- Giải quyết vấn đề mại dâm
- Thủy chung và tình dục an toàn
- Nâng cao dân trí, văn hóa



6. Vấn đề sốt rét

a. Dịch tễ học

❖ Yếu tố nguy cơ:

- Muỗi Anopheles truyền bệnh: khu hệ muỗi đa dạng, có ở miền núi, trung du, ven biển...

- Địa hình phức tạp

- Thời tiết nóng ẩm, mưa nhiều

- Kinh tế, văn hóa, gia thông kém phát triển

❖ Quy mô: 2/3 diện tích và 1/3 dân số nằm trong vùng sốt rét lưu hành



❖ Cộng đồng nguy cơ:

Tất cả mọi người và cộng đồng đều có thể mắc, cao hơn ở:

- Đồng bào dân tộc thiểu số
- Dân sống ở vùng rừng núi, vùng sâu vùng xa
- Cộng đồng di dân tự do, du canh du cư
- Cộng đồng nghèo, khó khăn
- Cộng đồng thiếu sự chăm sóc y tế



b. Tác hại

- ❖ Gây tác hại mọi mặt: sức khỏe, kinh tế, văn hóa, quốc phòng...
- ❖ Gây dịch nặng nề, nhiều người tử vong
- ❖ Bệnh dịch có thể xảy ra bất cứ lúc nào, đặc biệt vùng có nguy cơ cao.



c. Phòng chống

- ❖ Phòng chống muỗi đốt
- ❖ Phát hiện điều trị triệt để người mang KST sốt rét
- ❖ Xây dựng mạng lưới y tế đến tận thôn bản
- ❖ Giáo dục sức khỏe, phòng bệnh
- ❖ Xã hội hóa việc phòng chống
- ❖ Phát triển kinh tế, xã hội, dân trí



7. Vấn đề tiết túc gây bệnh và truyền bệnh

a. Dịch tễ học

- ❖ Các loại tiết túc y học chủ yếu ở Việt Nam
 - Muỗi: truyền sốt rét, giun chỉ, sốt xuất huyết...
 - Ruồi nhặng
 - Bọ chét truyền dịch hạch
 - Ve
 - Rệp
 - Ruồi vàng



❖ Các cộng đồng nguy cơ

- Điều kiện cơ sở vệ sinh hạ tầng kém
- Dùng phân tươi bón cây
- Sống vùng rừng núi thường bị bệnh dịch do muỗi, bọ chét, ve, mò...
- Sống vùng nông thôn thường bị các bệnh dịch do ruồi nhặng, muỗi



b. Tác hại

- Tiết túc gây bệnh: gây dị ứng, gây tê liệt, tử vong
- Tiết túc truyền bệnh:
 - Sốt rét, sốt xuất huyết, viêm não, giun chỉ...



c. Phòng chống

- Quản lý, xử lý tốt phân nước rác
- Môi trường sạch sẽ, quang đãng
- Ngủ màn
- Nôi gia súc xa nhà
- Xua, diệt tiết túc



8. Vấn đề vi nấm gây bệnh

a. Dịch tễ học:

- Bao gồm: vi nấm gây bệnh da, niêm mạc, các hốc tự nhiên, đường máu và nội tạng
- Điều kiện thuận lợi: nhà ở ẩm thấp, khí hậu nóng ẩm, vệ sinh cá nhân, môi trường kém
- Đường lây: trực tiếp hoặc gián tiếp qua ăn uống, gió, bụi..



❖ Cộng đồng nguy cơ:

- Sống nhà cửa chật hẹp, ẩm thấp, vệ sinh kém
- Làm việc trong môi trường nóng ẩm
- Làm việc trong môi trường nhiều bụi: CN dệt may, sản xuất xi măng



c. Tác hại

- Viêm da, niêm mạc, tóc móng...
- Viêm nội tạng
- Bệnh kéo dài, khó điều trị dứt điểm, ít thuốc đặc trị



c. Phòng chống

- Vệ sinh môi trường sống
- Vệ sinh cá nhân
- Cải thiện điều kiện nhà ở
- Phát hiện điều trị triệt để



9. Vấn đề KST từ súc vật truyền sang người

- Bao gồm: sán dây, giun xoắn,

- **Dịch tễ học:** Gặp ở khắp mọi nơi, chưa được quan tâm giữa các KST thuộc các ngành khác nhau → trầm trọng

a. Tác hại: Chủ yếu là tác hại của giun sán truyền qua đất và thực phẩm.

b. Phòng chống: Kết hợp chặt chẽ các ngành thú y, nông nghiệp, y tế



Thank You!